

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**LÊ VĂN KỲ**

**PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC  
CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP  
CỦA TỈNH THANH HOÁ**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
CHUYÊN NGÀNH : KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

**Mã số: 62 31 01 05**

**HÀ NỘI - 2018**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

***Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VÕ VĂN ĐỨC***

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

***Phản biện 3:***

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp  
Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Vào hồi giờ ngày tháng năm 2018*

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Văn Kỳ (2014), "Tinh Thanh Hóa – Phát triển nguồn nhân lực đẩy nhanh CNH-HĐH", *Tạp chí Công thương*, (6), tr. 46-47.
2. Lê Văn Kỳ (2014), "Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ", *Tạp chí Công thương*, (7), tr. 72-73.
3. Lê Văn Kỳ (2014), "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Những kết quả ban đầu, hạn chế và bài học kinh nghiệm ở tỉnh Thanh Hóa", *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, (3), tr. 20-22.
4. Lê Văn Kỳ (2014), "Cần phát triển nhanh nguồn nhân lực cho đồng bằng Bắc Trung Bộ", *Tạp chí Thị trường*, (3), tr. 27-29.
5. Lê Văn Kỳ (2016), "Phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao cho Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa", *Tạp chí Công Thương*, (9), tr. 66-70.
6. Lê Văn Kỳ (2016), "Giáo dục đào tạo với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp ở nước ta trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế", *Tạp chí Công Thương*, (11), tr. 79-84.
7. Lê Văn Kỳ (2017), "Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp góp phần phát triển nguồn nhân lực lao động trực tiếp chất lượng cao cho ngành công nghiệp", *Tạp chí Công Thương*, (11), tr. 257-261.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Sự phát triển của nền kinh tế thế giới đang bước sang thời kỳ phát triển mới, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những thành tựu có tính đột phá về khoa học công nghệ, nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, phát triển nguồn nhân lực (NNL), nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng thể hiện vai trò quyết định đối với phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Các lý thuyết của kinh tế hiện đại đều khẳng định, để có thể tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và với mức độ cao, các nền kinh tế phải dựa vào ba trụ cột cơ bản là: Áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó trụ cột quan trọng nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Thực tiễn phát triển của kinh tế thế giới trong thế kỷ XX cho thấy có những quốc gia nghèo về tài nguyên thiên nhiên nhưng do phát triển tốt nguồn nhân lực, có được nguồn nhân lực chất lượng cao nên đã đạt được những thành tựu vượt bậc về phát triển kinh tế-xã hội, hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa chỉ trong vài thập kỷ.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định coi con người là trung tâm của sự phát triển, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, trong điều kiện đất nước đang đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa (CNH, HĐH), hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (HNQT), phát triển (NNL), nhất là NNL chất lượng cao được coi là một trong ba đột phá chiến lược, góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển theo hướng bền vững.

Kế thừa quan điểm phát triển, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Tiếp tục đẩy mạnh mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu"

Thanh Hóa là tỉnh nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, đất rộng, người đông, tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú, có nhiều lợi thế về tự nhiên và xã hội cho phát triển các ngành kinh tế đặc biệt là phát triển ngành công nghiệp. Tuy nhiên, các ngành kinh tế nói chung và ngành công nghiệp nói riêng của tỉnh Thanh Hóa phát triển còn chậm so với nhiều địa phương trong cả nước. Năng suất lao động, hiệu quả sử dụng tài nguyên còn thấp, thu nhập bình quân đầu người dưới mức bình quân chung của cả nước và là một tỉnh còn nghèo.

Là một trong những trụ cột kinh tế, ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa đang đứng trước những vận hội mới trong tiến trình CNH, HĐH và HNQT, đồng thời cũng đối mặt với những thách thức to lớn về công nghệ, kỹ thuật và đặc biệt là chất lượng NNL, số lượng nhân lực dư thừa, nhưng chất lượng nhân lực lại không đáp ứng, cơ cấu đào tạo nhân lực không phù hợp; yêu cầu nhân lực có trình độ

chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao, có kỹ năng làm việc trong môi trường công nghệ và cạnh tranh còn rất thiếu. Sản xuất công nghiệp chưa phát triển, doanh nghiệp nhỏ, yếu; thiết bị và công nghệ các cơ sở sản xuất công nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp. NNL ngành công nghiệp chất lượng thấp, tình trạng thể lực của NNL ở mức trung bình, yếu về độ dẻo dai, cường độ làm việc. Một số ngành công nghiệp có nhu cầu nhân lực chất lượng cao nhưng chưa được đáp ứng, chất lượng đào tạo còn thấp và chưa phù hợp. Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực đã được Đảng bộ tỉnh xác định là một trong những chương trình trọng tâm từ Đại hội lần thứ XVI (2006-2010), Đại hội lần thứ XVII (2011-2015) và Đại hội lần thứ XVIII (2015-2020).

Những hạn chế trên cũng là những thách thức to lớn đối với tỉnh Thanh Hóa trong quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nền kinh tế của tỉnh Thanh Hóa muốn phát triển nhanh và bền vững, với mục tiêu đến năm 2020 trở thành tỉnh khá của cả nước và đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại thì phải có sự đột phá trên cơ sở từ nội lực, đó chính là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh.

Từ thực trạng và yêu cầu cấp thiết phát triển của nguồn nhân lực chất lượng cao nêu trên, với mong muốn được đóng góp một phần nhỏ vào phát triển ngành công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, tác giả chọn đề tài “**Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hoá**” làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế phát triển.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu chung

Luận án đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

Mục đích nghiên cứu cụ thể

- Luận án góp phần hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

- Phân tích các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

- Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2005 - 2016.

- Đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong những năm tới, tầm nhìn đến năm 2030.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp giai đoạn 2005-2016; Đối tượng trực tiếp là nguồn nhân lực chất lượng cao hiện đang công tác và làm việc trong ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi về nội dung

- Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp được tập trung nghiên cứu chủ yếu: Khái niệm, đặc trưng, vai trò, yêu cầu phát triển; Nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp; Bài học kinh nghiệm về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

- Thực trạng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa được nghiên cứu trên các nội dung chủ yếu là: (1) Tình hình phát triển ngành công nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa; (2) Thực trạng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2005-2016.

- Giải pháp đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa tập trung một số giải pháp chủ yếu trên cơ sở đánh giá thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp và nguồn lực cụ thể của tỉnh Thanh Hóa.

Phạm vi về không gian và thời gian

Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa, chuỗi thời gian nghiên cứu là giai đoạn 2005-2016, thời gian đề xuất phương hướng và các giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong những năm tới, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

- Luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung trong khoa học kinh tế như: phương pháp phân tích định tính, định lượng, so sánh, tổng hợp; Phương pháp thống kê mô tả, phân tích thống kê. Các phương pháp khác được sử dụng trong Luận án là phương pháp hệ thống và khái quát hóa. Ngoài ra, nghiên cứu thông qua khảo sát của tác giả, phỏng vấn sâu và phương pháp chuyên gia đã được sử dụng có hiệu quả trong Luận án giúp cho việc nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

- Đặc biệt luận án đã sử dụng phương pháp điều tra xã hội học để có những đánh giá khách quan về thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, luận án tham khảo, kế thừa có chọn lọc các kết quả của các công trình nghiên cứu đi trước có liên quan đến đề tài luận án để giải quyết các

vấn đề luận án đặt ra.

### **5. Những đóng góp mới của luận án**

- Luận án góp phần làm rõ hơn cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp. Bổ sung và hệ thống hóa các tiêu chí đánh giá chất lượng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

- Phân tích và đánh giá toàn diện thực trạng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

- Đưa ra phương hướng và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong những năm tới, tầm nhìn đến năm 2030

- Luận án là một công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách nghiêm túc, có hệ thống về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp cấp tỉnh nói chung và ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa nói riêng

### **6. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, mục lục, kết luận, danh mục chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục công trình của tác giả và phần phụ lục, luận án gồm 4 chương, 11 tiết.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Trong chương 1, luận án tập trung nghiên cứu các công trình liên quan đến đề tài, nhằm xác định những kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và hướng nghiên cứu của luận án. Để đảm bảo tính kế thừa và khẳng định hướng nghiên cứu của luận án, luận án chia các công trình thành 2 nhóm: 1) Những công trình nghiên cứu về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực ngành công nghiệp và phát triển nguồn nhân lực; 2) Những công trình nghiên cứu về nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

#### **1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**

Về nhóm vấn đề này có nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, học giả trong nước và nước ngoài, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Các công trình đều khẳng định vai trò, tầm quan trọng của NNL và NNL ngành công nghiệp so với các nguồn lực khác trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Trên cơ sở đó, đưa ra các giải pháp nhằm phát triển, quản lý và sử dụng NNL nói chung và NNL ngành công nghiệp nói riêng có hiệu quả nhất.

#### **1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO**

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học-công nghệ trong những năm qua và hiện nay là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra nhanh chóng trên

phạm vi toàn cầu. Vấn đề NNL chất lượng cao, trong đó có NNL chất lượng cao ngành công nghiệp và phát triển NNL chất lượng cao được các học giả, các tổ chức nghiên cứu, các nhà khoa học đặc biệt quan tâm và đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố, tiêu biểu theo hai nhóm vấn đề là: Nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp, vai trò đối với phát triển kinh tế-xã hội và những nghiên cứu về thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### **1.3. NHỮNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN**

#### **1.3.1. Những giá trị khoa học của các công trình đã nghiên cứu luận án cần tham khảo**

- Các nhóm công trình nghiên cứu ở trên đã có nhiều đóng góp rất có ý nghĩa về mặt khoa học, làm sáng tỏ nhiều vấn đề cả lý luận và thực tiễn trên nhiều phương diện về nguồn nhân lực, nhân tài, đội ngũ trí thức, nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta và các nước trên thế giới hiện nay.

- Nhiều công trình nghiên cứu khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao trong chiến lược phát triển của các quốc gia, là động lực phát triển kinh tế - xã hội; khẳng định vai trò to lớn của giáo dục đào tạo và sự cần thiết phải đổi mới mạnh mẽ giáo dục - đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Các tác giả đã phân tích làm rõ mặt tích cực và hạn chế của việc phát huy nguồn lực con người, phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, sử dụng, quản lý, phát triển nhân tài, đội ngũ trí thức - nhân lực chất lượng cao; đồng thời, chỉ ra nguyên nhân cơ bản của những hạn chế, yếu kém.

- Các nhà nghiên cứu đã đưa ra quan niệm về nguồn nhân lực chất lượng cao dưới các góc độ khác nhau về định tính, định lượng; làm rõ vai trò quan trọng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH và đổi mới đất nước

#### **1.3.2. Khoảng trống trong nghiên cứu nguồn nhân lực chất lượng cao và hướng nghiên cứu của luận án**

*Thứ nhất:* Các công trình khoa học đã tiếp cận theo nhiều khía cạnh, góc độ nghiên cứu khác nhau về NNL, NNL chất lượng cao. Song NNL chất lượng cao ngành công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh (cấp địa phương) thì còn ít được nghiên cứu, đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh, như tỉnh Thanh Hóa thì chưa có công trình nào nghiên cứu.

*Thứ hai:* Nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn lực rất quan trọng ở Việt Nam cũng như các nước trên thế giới nên có nhiều công trình quan tâm nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau. Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp trong bối cảnh hiện nay đang



là vấn đề mang tính thời sự, cần tiếp tục được cứu một cách công phu, làm rõ hơn trong thời gian tới.

*Thứ ba:* Nhiều công trình khoa học đã đề xuất nhiều giải pháp nâng cao chất lượng NNL nói chung và phát triển NNL chất lượng cao nói riêng. Song những giải pháp đó cần được xây dựng thành hệ thống cho từng ngành, từng địa phương, để từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn một cách hiệu quả nhất, nhằm khắc phục tình trạng NNL thì dư thừa nhưng lại rất thiếu NNL chất lượng cao ở nhiều ngành, nghề, lĩnh vực;

*\* Hướng nghiên cứu của luận án*

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên đã góp phần gợi mở định hướng cho tác giả nghiên cứu đề tài: "**Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**" là lĩnh vực chưa có một công trình, luận án nào nghiên cứu dưới góc độ kinh tế phát triển. Do đó, luận án sẽ tập trung nghiên cứu và giải quyết một số vấn đề đặt ra sau:

- Đánh giá tổng quan các vấn đề đã được nghiên cứu về NNL, NNL chất lượng cao và phát triển NNL chất lượng cao

- Tập trung làm rõ hơn những cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp hiện nay. Đặc biệt, đề xuất các tiêu chí đánh giá chất lượng NNL chất lượng cao ngành công nghiệp; Các tiêu chí đánh giá phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp và những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp.

- Phân tích, đánh giá thực trạng NNL chất lượng cao và phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2005-2016, ở các góc độ số lượng, chất lượng và cơ cấu; thành tựu, hạn chế, chỉ ra những vấn đề cấp thiết đặt ra về phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

- Luận án đưa ra phương hướng và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp trong những năm tới, tầm nhìn đến năm 2030, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của tỉnh Thanh Hóa.

## **Chương 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

#### **2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG, VAI TRÒ VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

##### **2.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

###### **2.1.1.1. Nguồn nhân lực và nguồn nhân lực ngành công nghiệp**

**\* Nguồn nhân lực**

Kế thừa quan điểm của các tác giả nghiên cứu về NNL, tác giả luận án

cho rằng: *nguồn nhân lực là nguồn lực con người, là toàn bộ dân cư trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động, bao gồm tổng thể năng lực về thể lực, trí lực, đạo đức, tinh thần, tính năng động xã hội ở dạng tiềm năng và thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.*

*\* Nguồn nhân lực ngành công nghiệp*

*Nguồn nhân lực ngành công nghiệp được hiểu là toàn bộ lực lượng nhân lực đang làm việc trong ngành công nghiệp, được đặc trưng bởi số lượng (quy mô), chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực đang tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp.*

### **2.1.1.2. Nguồn nhân lực chất lượng cao và nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

*\* Nguồn nhân lực chất lượng cao*

Cho đến nay, về mặt khái niệm NNL chất lượng cao chưa có sự thống nhất, xuất phát từ các cách tiếp cận khác nhau nên có những cách hiểu khác nhau. Theo tác giả luận án, *Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận nhân lực có đủ sức khỏe; có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu; phẩm chất đạo đức tốt; năng động, sáng tạo và khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của khoa học công nghệ, lao động với năng suất, chất lượng cao, đóng góp hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.*

*\* Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp*

Trên cơ sở nghiên cứu và kế thừa quan niệm về NNL chất lượng cao, trong luận án quan niệm NNL chất lượng cao ngành công nghiệp như sau: *Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp là bộ phận tiên tiến nhất của nguồn nhân lực ngành công nghiệp, có sức khỏe-thể lực tốt, có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu; nhân cách, đạo đức tốt; văn hóa nghề cao; năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với những thay đổi của công nghệ sản xuất, tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trong ngành công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và đất nước một cách hiệu quả.*

### **2.1.1.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

*\* Phát triển nguồn nhân lực: Tổng hợp các nghiên cứu gần đây về khái niệm phát triển nguồn nhân lực, tác giả luận án cho rằng: Phát triển nguồn nhân lực là quá trình biến đổi về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực ngày càng hợp lý hơn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội. Đó là quá trình gia tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng trên các mặt thể lực, trí lực, kỹ năng và tinh thần cùng với sự biến đổi tiến bộ về cơ cấu nguồn nhân lực.*

*\* Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp*

Trong luận án quan niệm: *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp là quá trình gia tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng và chuyển dịch về cơ cấu theo hướng tiến bộ nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của ngành công*

*nghiệp và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

### **2.1.2. Đặc trưng của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

Từ khái niệm NNL chất lượng cao ngành công nghiệp, ta có thể đưa ra những đặc trưng cơ bản của NNL chất lượng cao ngành công nghiệp là:

(1). *Về số lượng (quy mô):* NNL chất lượng cao ngành công nghiệp chỉ bao gồm bộ phận nhân lực có trình độ CMKT cao trong tổng số nhân lực của ngành công nghiệp.

(2). *Về chất lượng:* NNL chất lượng cao ngành công nghiệp được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản: Sức khỏe- thể lực; Trí lực; Nhân cách; Tính năng động và thích ứng; Văn hóa nghề

(3). *Về cơ cấu:* Cơ cấu NNL chất lượng cao trong tổng nhân lực ngành công nghiệp; Cơ cấu NNL chất lượng cao theo ngành công nghiệp; Cơ cấu NNL chất lượng cao theo vùng công nghiệp

### **2.1.3. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

*Một là:* Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp là một bộ phận quan trọng trong nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia, là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển của ngành công nghiệp, góp phần quan trọng vào sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Hai là:* Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp là lực lượng lao động tiên tiến nhất, đóng vai trò đầu tàu dẫn dắt nguồn nhân lực trong ngành công nghiệp, là nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, là một trong những nguồn lực chính quyết định quá trình tăng trưởng của ngành công nghiệp, góp phần quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Ba là:* Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp góp phần quan trọng cho hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước thành công.

*Bốn là:* Cùng với nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước nói chung, NNL chất lượng cao ngành công nghiệp nói riêng là động lực chủ yếu tiếp cận và phát triển nền kinh tế tri thức

### **2.1.4. Yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế**

*Một là,* Yêu cầu cần phải đảm bảo đủ NNL nhất là NNL chất lượng cao là một trong 3 khâu đột phá cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng, từ chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất công nghiệp

*Hai là,* Yêu cầu phải có đủ nhân lực chất lượng cao để có khả năng tham gia vào quá trình vận hành của các chuỗi giá trị toàn cầu trong xu thế các tập đoàn xuyên quốc gia có ảnh hưởng ngày càng lớn. Mặt khác nguồn nhân lực phải có năng lực thích ứng cao với tình trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm, sự khó khăn của các nguồn đầu tư tài chính; nguồn nhân lực

phải có khả năng đề ra các giải pháp gia tăng cơ hội phát triển trong điều kiện thay đổi nhanh chóng của các thể hệ công nghệ, tương quan sức mạnh kinh tế giữa các khu vực

*Ba là*, Yêu cầu phải có đủ NNL chất lượng cao để đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Bốn là*, Do phát triển thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, quá trình này mở ra nhiều việc làm cho người lao động nhưng cũng yêu cầu cao về chất lượng nguồn nhân lực. Như vậy, để đáp ứng yêu cầu cần phải phát triển nhanh NNL chất lượng cao ngành công nghiệp.

*Năm là*, Đẩy mạnh CNH, HĐH và HNQT thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng triệt để thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và mở rộng thị trường lao động ra nước ngoài. Tuy nhiên, để xuất khẩu được lao động ra các nước đòi hỏi lao động phải đạt được những chuẩn mực của thế giới và khu vực. Do vậy, cần phải phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

## **2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

### **2.2.1. Nội dung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

#### ***2.2.1.1. Phát triển về số lượng; chất lượng và chuyển dịch về cơ cấu theo hướng tiến bộ***

- Phát triển về số lượng: Là gia tăng về nhân lực có trình độ CMKT cao và CNKT bậc cao trong ngành công nghiệp

- Phát triển về chất lượng: Là nâng cao về sức khỏe - thể lực; Phát triển về trí lực; Nâng cao về nhân cách; Nâng cao tính năng động và thích ứng; Nâng cao văn hóa nghề.

- Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tiến bộ: là làm cho cơ cấu NNL chất lượng cao ngành công nghiệp ngày càng hợp lý hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp

#### ***2.2.1.2. Công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp***

Công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp gồm những nội dung cơ bản sau: 1) Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp; 2) Nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp; 3) Công tác thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao vào ngành công nghiệp; 4) Tổ chức quản lý thực hiện phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp; 5) Sử dụng, đãi ngộ và xây dựng môi trường làm việc trong ngành công nghiệp

### **2.2.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

#### ***2.2.2.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp***

-Tiêu chí về sức khỏe- thể lực;

- Tiêu chí về trí lực;
- Tiêu chí về nhân cách;
- Tiêu chí về tính năng động và thích ứng;
- Tiêu chí về văn hóa nghề

### **2.2.2.2. Tiêu chí đánh giá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

Trên cơ sở nội dung phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp, tác giả luận án đề xuất các tiêu chí cơ bản đánh giá phát triển NNLCCL ngành công nghiệp như sau:

*\* Nhóm tiêu chí đánh giá phát triển về số lượng, chất lượng và chuyển dịch về cơ cấu*

-Tiêu chí đánh giá phát triển về số lượng NNL chất lượng cao ngành công nghiệp

- Tiêu chí đánh giá phát triển về chất lượng
- Tiêu chí về chuyển dịch cơ cấu theo hướng tiên bộ

*\* Nhóm tiêu chí đánh giá về công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp*

-Chất lượng xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của địa phương;

-Chất lượng giáo dục-đào tạo NNL chất lượng cao ngành công nghiệp;

-Hiệu quả của chính sách thu hút, tuyển dụng NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của địa phương

- Hiệu quả của công tác tổ chức quản lý phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của địa phương;

-Hiệu quả của sử dụng, đãi ngộ và xây dựng môi trường làm việc trong ngành công nghiệp

### **2.2.3. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp là: 1) Trình độ phát triển kinh tế- xã hội; 2) Chất lượng hệ thống giáo dục- đào tạo và y tế; 3) Chiến lược, quy hoạch phát triển ngành công nghiệp; 4) Các chính sách của Nhà nước liên quan đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp; 5) Tuyển dụng, thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao vào ngành công nghiệp; 6) Sử dụng, đãi ngộ, môi trường làm việc và yếu tố cá nhân của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

## **2.3. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á , MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO TỈNH THANH HÓA**

### **2.3.1. Kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp ở một số nước châu Á**

*\* Kinh nghiệm của Nhật Bản*

- Rất coi trọng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Chính sách sử dụng nguồn nhân lực hợp lý
- Chính phủ khuyến khích và tạo điều kiện để tư nhân tham gia vào phát triển nguồn nhân lực

*\* Kinh nghiệm của Hàn Quốc*

- Phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng và giáo dục tài năng
- Chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp
- Sử dụng, đãi ngộ, thu hút nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp

**2.3.2. Kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của một số địa phương trong nước.**

*\* Kinh nghiệm của tỉnh Đồng Nai*

- Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đào tạo hệ thống các trường cao đẳng, dạy nghề, đào tạo được một lực lượng lớn hơn có chất lượng bước đầu đáp ứng yêu cầu cấp thiết về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến từ các dự án và dự án đầu tư mới.

- Phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, cao đẳng để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp, gồm: Trường Đại học Lạc Hồng, các trường cao đẳng ở thành phố Biên Hòa và các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác.

*\* Kinh nghiệm của tỉnh Vĩnh Phúc*

- Tỉnh Vĩnh Phúc luôn xem việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là mũi nhọn đột phá quan trọng nhằm xây dựng tỉnh trở thành tỉnh công nghiệp. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo công tác đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp.

- Quan tâm số lượng, chất lượng thiết bị dạy nghề của các cơ sở GDNN và khả năng đáp ứng nhu cầu thực hành của thiết bị. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư hoàn thiện thiết bị dạy nghề để đảm bảo trình độ tay nghề cho học sinh và gắn với việc thực hành, thực tập với cơ sở SXCN.

**2.3.3. Những bài học kinh nghiệm về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp cho tỉnh Thanh Hóa.**

*Một là*, Nhận thức đúng đắn và đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của NNL chất lượng cao nói chung, NNL chất lượng cao ngành công nghiệp nói riêng trong phát triển kinh tế- xã hội thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và HNQT để có những cơ chế chính sách, chiến lược phát triển đội ngũ nhân tài, nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của đất nước và của địa phương.

*Hai là*, Đặc biệt coi trọng giáo dục- đào tạo, giáo dục- đào tạo phải được thực hiện "quốc sách hàng đầu" đóng vai trò quyết định trong phát triển NNL chất lượng cao nói chung, NNL chất lượng cao ngành công nghiệp nói riêng.

*Ba là*, Chính phủ và các địa phương cần chủ động hơn nữa trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của

địa phương qua từng giai đoạn nhất định.

*Bốn là*, Có chính sách để thu hút và sử dụng nhân lực chất lượng cao thông qua sử dụng, đãi ngộ về vật chất và tinh thần, môi trường và điều kiện làm việc để họ phát huy hết khả năng cống hiến cho ngành, địa phương và đất nước.

*Năm là*, Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phải gắn liền với nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, nhất là chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho nhân lực trong ngành công nghiệp.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HÓA**

### **3.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HÓA**

#### **3.1.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa**

##### **3.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên**

Thanh Hoá là tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 11.129,48 km<sup>2</sup>, cách Hà Nội 153 km về phía nam; phía bắc giáp các tỉnh: Sơn La, Hoà Bình và Ninh Bình; phía nam giáp tỉnh Nghệ An; phía Tây giáp tỉnh Hòa Phấn - Lào; phía đông giáp Vịnh Bắc Bộ; có 27 đơn vị hành chính (02 thành phố, 01 thị xã và 24 huyện). Địa hình chia làm 3 vùng: Vùng đồng bằng; Vùng ven biển; Vùng núi và trung du. Tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng... là điều kiện để phát triển kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực nhất là phát triển công nghiệp.

##### **3.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội**

###### *\* Tăng trưởng kinh tế*

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh Thanh Hóa có tốc độ tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước: bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 đạt 11,3%; giai đoạn 2011-2015 đạt 11,4 %. Quy mô GDP theo giá so sánh năm 2010 đạt 20.330 tỷ đồng, năm 2015 đạt 34.981 tỷ đồng. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 810 USD, năm 2015 1530 USD, bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 đạt 626 USD; giai đoạn 2011-2015 đạt 1212 USD.

###### *\* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Theo số liệu của Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chuyển dịch theo hướng phát huy các lợi thế so sánh của tỉnh.

##### **3.1.1.3. Dân số và lực lượng lao động của tỉnh Thanh Hóa**

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa, dân số của tỉnh năm 2016 là 3.528,3 nghìn người (lớn thứ 3 cả nước, sau Hà Nội và TP. HCM); tăng 106,5 nghìn người so với năm 2010; trong đó dân số thành thị là 571,6 nghìn người, chiếm 16,2%; dân số nông thôn là 2.956,7 nghìn người, chiếm 83,8%. Dân

số trong độ tuổi lao động năm 2016 là 2.241,2 nghìn người, chiếm tỷ lệ 63,5% dân số toàn tỉnh, lực lượng lao động đang làm việc 2.198,2 nghìn người. Như vậy, Thanh Hóa có NNL dồi dào, thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội.

### **3.1.2. Tình hình phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

#### **3.1.2.1. Giá trị sản xuất công nghiệp**

*\* Theo khu vực kinh tế*

+ *Khu vực kinh tế Nhà nước*: Giai đoạn 2011- 2015, GTSX tăng trưởng bình quân 5,8% . Năm 2015 đạt khoảng 8.191 tỷ đồng (giá SS 2010). Tuy nhiên, tỷ trọng lại giảm dần hàng năm: Từ 29,1% năm 2005 xuống còn 19,9% năm 2010 và đến năm 2015, chiếm khoảng 14,6%.

+ *Khu vực kinh tế ngoài nhà nước*: Giai đoạn 2011-2015, GTSXCN tăng trưởng bình quân đạt 11,8%/năm; năm 2015 đạt khoảng 28.636 tỷ đồng (giá SSS 2010). Tỷ trọng GTSXCN khu vực này khoảng 51% - 53% so cả tỉnh

+ *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*: Do thành công trong công tác kêu gọi, thu hút đầu tư FDI, giai đoạn 2011-2015, GTSXCN khu vực này có mức tăng trưởng cao, đạt 18,1%/năm; năm 2015, đạt khoảng 19.413 tỷ đồng, chiếm tỉ trọng xấp xỉ 34,5% (so với năm 2010 là 27,2%)

*\* Theo các ngành công nghiệp*

Giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) theo giá so sánh 2010 , giai đoạn 2010 - 2015 của tỉnh Thanh Hóa như sau: Công nghiệp khai khoáng tăng từ 780,2 tỷ đồng năm 2010 lên 1.586,5 tỷ đồng năm 2015; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 29.719,8 tỷ đồng năm 2010 lên 52.190 tỷ đồng; Công nghiệp sx, pp điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí tăng từ 388,0 tỷ đồng năm 2010 lên 1.932,9 tỷ đồng năm 2015 và Công nghiệp cung cấp nước, xử lý nước thải tăng từ 31.042 tỷ đồng năm 2010 lên 56.240 tỷ đồng năm 2015.

*\* Theo vùng công nghiệp*

Tỉnh Thanh Hóa đã chú trọng phân bổ cơ cấu lao động ngành công nghiệp theo vùng miền. Năm 2015 lao động công nghiệp vùng CN1 chiếm 59,6%, vùng CN2 chiếm 32,7%, vùng CN 3 chiếm 7,7 %. Vùng CN1 với điều kiện tự nhiên, hệ thống giao thông thuận lợi nên luôn chiếm một tỉ lệ lớn lao động trong ngành công nghiệp cũng như giá trị sản xuất công nghiệp (năm 2015 vùng CN1 đạt 72,9% tổng giá trị sản xuất công nghiệp) tiếp theo là vùng CN2 với giá trị sản xuất công nghiệp đạt 21,7% và cuối cùng là vùng 3 với giá trị SXCN chỉ đạt 5,4%.

### **3.1.3. Tình hình nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

#### **3.1.3.1. Khái quát về nguồn nhân lực ngành công nghiệp**

Đến năm 2016, quy mô NNL trong ngành công nghiệp có 192.943 người, tăng 3,9% so với năm 2011. Trong đó, nhân lực làm việc trong ngành công nghiệp khai thác khoáng sản là 8.779 người, nhân lực làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 177.893 người, nhân lực trong ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng là 4.110 người và trong lĩnh vực cung cấp



nước, xử lý rác thải, nước thải là 2161 người.

### **3.1.3.2. Thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

*\* Thực trạng về số lượng (quy mô) nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp*

Về quy mô NNL chất lượng cao ngành công nghiệp, năm 2005 NNL chất lượng cao trong ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa đạt 3.470 người, chiếm tỷ lệ 2,3% NNL ngành công nghiệp; năm 2010 đạt 4.551 người, chiếm tỷ lệ 2,7% NNL ngành công nghiệp; năm 2016 NNL chất lượng cao là 7.525 người, chiếm tỷ lệ 3,9% NNL ngành công nghiệp.

*\* Thực trạng về cơ cấu nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp*

- Tỷ lệ nguồn nhân lực chất lượng cao trong tổng nhân lực ngành công nghiệp năm 2005 là 2,3%; Năm 2010 là 2,7% và năm 2016 là 3,9%. tỷ lệ này còn rất nhỏ so với yêu cầu và chưa hợp lý

- Về cơ cấu nhân lực chất lượng cao phân theo ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa từ năm 2005 đến năm 2016, cho thấy nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung phần lớn ở ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với tỷ lệ từ 86,7% đến 87,8% (trung bình trên 87%) trong tổng số nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

- Cơ cấu nguồn nhân lực chất lượng cao theo vùng miền (Vùng CN): Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng (vùng CN1) với đạt 79,2% năm 2005; 77,5% năm 2010 và 73,1% năm 2016; vùng ven biển (vùng CN2) đạt gần 19,6% năm 2005, 21,3% năm 2010 và 25,6% năm 2016; vùng miền núi (vùng CN3) chỉ đạt tỷ lệ rất nhỏ 1,2% năm 2010 và 1,3% năm 2016 trong tổng số NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh, tỷ lệ này chưa hợp lý.

*\* Thực trạng về chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp*

Sử dụng mô hình đánh giá chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp từ góc nhìn của các cơ sở SXCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Về sức khỏe - thể lực của NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

Qua đánh giá của các cơ sở SXCN ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa ta có thể thấy, sức khỏe - thể lực của nguồn nhân lực chất lượng cao đang làm việc tại các đơn vị ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa nhìn chung mới chỉ đạt ở mức độ trung bình và gần khá, còn hạn chế về chiều cao, cân nặng, tầm vóc; sự nhanh nhẹn, hoạt bát, dẻo dai trong công việc; khả năng chống cho với bệnh tật và khả năng làm thêm giờ dựa trên sức khỏe.

- Về trí lực NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

Theo đánh giá của các cơ sở SXCN ngành công nghiệp tỉnh Thanh Hóa, trí lực của nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đơn vị mới chỉ đạt ở mức độ từ trung bình đến khá, đặc biệt năng lực về ngoại ngữ còn yếu và trình độ về tin học còn hạn chế so với yêu cầu. Điều này thể hiện đúng thực tế về năng lực

ngoại ngữ và tin học của lực nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

- Về nhân cách NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

Theo đánh giá của các cơ sở SXCN ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa: Nhân cách của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa được đánh giá đạt mức độ từ trung bình đến khá. Tron đó, tác phong lao động công nghiệp, trách nhiệm với đồng nghiệp chỉ được đánh giá ở mức trung bình.

- Về tính năng động và thích ứng của NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

Theo đánh giá của các đơn vị ngành công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về tính năng động và thích ứng của NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh tại các đơn vị mới chỉ đạt ở mức từ trung bình đến khá, trong đó kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nắm bắt nhanh nhạy thông tin thị trường chỉ được đánh giá ở mức trung bình.

- Về văn hóa nghề NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

Theo đánh giá của các cơ sở SXCN ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa: Văn hóa nghề của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh nhìn chung đạt mức độ từ trung bình đến khá. Có thể thấy một số yếu tố được các cơ sở SXCN đánh giá khá là tinh thần hợp tác trong công việc; Mức độ nhiệt tình say mê và niềm tin trong công việc

### **3.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2005 - 2016**

#### **3.2.1. Thực trạng phát triển về số lượng, chất lượng, chuyển dịch về cơ cấu nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

- *Phát triển về số lượng (quy mô):* Phát triển về quy mô nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa có tăng qua các năm. Tuy nhiên mức tăng về quy mô NNL này còn rất chậm;

- *Phát triển về chất lượng:* Mức độ phát triển về chất lượng NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hoá có chuyển biến nhưng còn chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu;

- *Về chuyển dịch cơ cấu:* Sự chuyển dịch về cơ cấu NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa theo hướng tiến bộ yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

#### **3.2.2. Thực trạng công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

- *Về giáo dục-đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp:* Giáo dục phổ thông có sự phát triển tích cực; chất lượng đào tạo nhất là đào tạo nghề còn nhiều hạn chế, bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp nhất là các cơ sở SXCN có trình độ công nghệ cao.

- *Về chiến lược, quy hoạch phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa:* Tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm đến công tác phát triển NNL của tỉnh nói chung nhưng chưa xây dựng được chiến lược, quy hoạch

phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh.

- *Về thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa:* Công tác thu hút, tuyển dụng NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh đạt hiệu quả thấp;

- *Về công tác tổ chức quản lý phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa:* Công tác tổ chức quản lý phát triển NNL cho KKT Nghi Sơn và các KCN nói riêng và phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh nói chung còn nhiều hạn chế, bất cập.

- *Về công tác sử dụng, đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc:* Công tác sử dụng, đãi ngộ NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa còn nhiều hạn chế về tiền lương, tiền thưởng, nhà ở, cơ sở vật chất còn yếu. Về môi trường làm việc vẫn còn nhiều cơ sở SXCN có môi trường làm việc chưa tốt, còn yếu cả về cơ sở vật chất, an toàn và văn hóa.

### **3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HÓA**

#### **3.3.1. Những kết quả đạt được**

*Một là,* Số lượng nguồn nhân lực qua đào tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ cao đẳng trở lên trong ngành công nghiệp đã tăng dần lên qua các năm.

*Hai là,* Chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp có bước tiến bộ

*Ba là,* Công tác phát triển nhân lực của tỉnh và NNL ngành công nghiệp những năm gần đây đã được tỉnh Thanh Hóa quan tâm hơn.

#### **3.3.2. Những hạn chế chủ yếu**

*Một là,* Số lượng (quy mô) nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa mới chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng NNL của ngành công nghiệp và mức độ phát triển về quy mô những năm qua còn rất chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp trong giai đoạn hiện nay của tỉnh Thanh Hóa

*Hai là,* Chất lượng NNL chất lượng cao ngành công nghiệp tỉnh Thanh Hóa còn nhiều mặt hạn chế và mức độ nâng lên về chất lượng còn rất chậm.

*Ba là,* Cơ cấu NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh chưa hợp lý, sự chuyển dịch cơ cấu trong những năm qua còn chậm và chưa hợp lý với yêu cầu phát triển nhanh ngành công nghiệp của tỉnh, đặc biệt là yêu cầu mới về phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.

*Bốn là,* Năng lực và chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp của tỉnh., Sự gắn kết giữa đào tạo, dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của các cơ sở SXCN còn rất lỏng lẻo.

*Năm là,* Chất lượng quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh còn hạn chế, vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp chưa được quan tâm đúng tầm, chưa xây dựng được chiến lược, quy hoạch phát triển NNL này.

### **3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp**

*Thứ nhất*, tỉnh Thanh Hóa là một trong những tỉnh đang phát triển ở trình độ còn thấp, chủ yếu vẫn là tỉnh phát triển về nông nghiệp, công nghiệp chưa thực sự phát triển. Kinh tế giữa các vùng miền phát triển chưa đồng đều, còn có sự chênh lệch lớn về phát triển kinh tế - xã hội giữa vùng đồng bằng và miền núi.

*Thứ hai*, một số cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh nhận thức chưa đầy đủ, còn những hạn chế về vai trò quyết định của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp đối với sự phát triển của ngành công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nên thiếu những chủ trương, chính sách cụ thể và quyết liệt đầu tư cho giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp một cách xứng đáng với vai trò vị trí của nó nhằm khai thác và phát huy lợi thế nguồn nhân lực của tỉnh.

*Thứ ba*, Năng lực, chất lượng và cơ cấu đào tạo của các cơ sở đào tạo ở tỉnh Thanh Hóa còn nhiều hạn chế, chất lượng đào tạo nhiều mặt còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

*Thứ tư*, Công tác tổ chức quản lý phát triển nguồn nhân lực nói chung, nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp nói riêng còn nhiều hạn chế bất cập, sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý đào tạo và giải quyết việc làm chưa chặt chẽ.

*Thứ năm*, Về thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh còn nhiều hạn chế bất cập:

Chưa có chính sách mới, có sức thu hút, hấp dẫn nhân lực chất lượng cao về làm việc trong ngành công nghiệp của tỉnh.

Chính sách về tuyển dụng chưa được rõ ràng, chưa công khai minh bạch, thiếu sức thu hút nhân lực chất lượng cao về tỉnh.

*Thứ sáu*, Chính sách sử dụng lao động, nhất là lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong ngành công nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa có những cơ chế chính sách mới, cụ thể về sử dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh.

Chính sách tiền lương, tiền công hiện tại chưa tạo được động lực cho người lao động trong ngành công nghiệp tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học

Phần lớn môi trường làm việc trong ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa còn nhiều yếu kém, điều kiện làm việc còn thiếu thốn, môi trường chưa an toàn, văn hóa doanh nghiệp chưa cao.

Việc sử dụng nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật không đúng với ngành nghề được đào tạo còn tương đối phổ biến.

## Chương 4

# PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HOÁ

### 4.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HÓA

#### 4.1.1. Định hướng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu mới đặt ra về nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp

##### 4.1.1.1. Định hướng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

###### \* Định hướng chung phát triển ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp vừa phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vừa tạo động lực quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

- Tập trung phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn làm hạt nhân phát triển công nghiệp, hình thành các vùng kinh tế công nghiệp

- Trong giai đoạn từ nay đến 2020 và sau năm 2020, tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp lọc dầu và sau lọc dầu; cơ khí chế tạo, điện tử và sản xuất kim loại; công nghiệp phục vụ kinh tế biển... Xây dựng và phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ lực mới có sức cạnh tranh và có khả năng phát triển ổn định trong thị trường khu vực.

- Song song với việc phát triển các ngành công nghiệp nặng, các ngành công nghiệp khác cũng cần phải được chú ý tăng cường phát triển.

- Lấy mục tiêu phát triển công nghiệp làm trọng tâm, các ngành nông lâm thủy sản, dịch vụ-thương mại cũng cần được phát triển mạnh mẽ.

- Phát triển các KCN, CCN đã được quy hoạch và hình thành trong giai đoạn đến năm 2020 để thu hút các cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến nông, lâm thủy sản, các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ,

###### \* Định hướng phát triển theo không gian công nghiệp

Phát triển không gian công nghiệp tập trung xung quanh thành phố Thanh Hóa; Phát triển không gian công nghiệp ở phía Bắc; Phát triển không gian công nghiệp phía Nam; Phát triển không gian công nghiệp phía Tây; Phát triển không gian công nghiệp ven biển.

###### \* Quy hoạch các ngành công nghiệp

Công nghiệp khai thác khoáng sản; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng; Công nghiệp cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải

###### \* Lựa chọn ngành, sản phẩm công nghiệp trọng điểm của tỉnh

Nhóm các ngành, sản phẩm công nghiệp mũi nhọn mới;- Nhóm các ngành sản phẩm truyền thống ưu tiên phát triển mở rộng; Nhóm ngành, sản phẩm duy trì phát triển và mở rộng hợp lý.

*\* Dự báo vốn*

Theo báo cáo tổng hợp Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: Nhu cầu vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 250 nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 2021-2025 khoảng 265 nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 2026-2030 khoảng 244 nghìn tỷ đồng.

**4.1.1.2. Yêu cầu mới đặt ra về nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh ngành công nghiệp trong những năm tới, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thanh Hóa yêu cầu mới đặt ra là phải đặc biệt quan tâm phát triển nguồn nhân lực NNL chất lượng cao ngành công nghiệp, để đáp ứng đủ về số lượng, cao về chất lượng và có cơ cấu hợp lý cho ngành công nghiệp của tỉnh phát triển.

**4.1.2. Phương hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong những năm tới và tầm nhìn đến năm 2030**

**4.1.2.1. Phương hướng cơ bản**

*Thứ nhất:* Phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp phải gắn liền với Quy hoạch phát triển công nghiệp; Quy hoạch phát triển nhân lực và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

*Thứ hai:* Phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp phải đảm bảo phát triển toàn diện về số lượng, chất lượng và cơ cấu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế.

*Thứ ba:* Phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp dựa trên cơ sở nâng cao hiệu quả từ đào tạo đến sử dụng nguồn nhân lực này trong phát triển ngành công nghiệp của tỉnh; ưu tiên đầu tư xây dựng các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đào tạo các nhân lực có trình độ CMKT cao cho các ngành công nghiệp mũi nhọn mới, công nghệ cao của ngành công nghiệp

*Thứ tư:* Tập trung phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp mũi nhọn mới, như: Sản phẩm lọc, hóa dầu, và sau lọc dầu; công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo máy; công nghiệp điện tử - công nghệ thông tin; công nghiệp sinh học; sản phẩm kim loại...

*Thứ năm:* Tập trung phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp có khả năng thích ứng nhanh với môi trường lao động và với tiên bộ khoa học công nghệ mới, có năng lực chuyên môn giỏi và trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng nghề cao để phát triển nhanh và hiệu quả ngành công nghiệp góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của tỉnh.

**4.1.2.2 Mục tiêu chủ yếu**

Phát triển nhanh, toàn diện NNL chất lượng cao ngành công nghiệp đảm bảo đủ về số lượng, cao về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đưa NNL chất lượng

cao ngành công nghiệp trở thành lợi thế quan trọng nhất trong thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển ngành công nghiệp; phát triển nhanh những ngành, sản phẩm công nghiệp mũi nhọn, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp góp phần đưa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

#### **4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH THANH HÓA**

Để đạt được mục tiêu và phương hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp về số lượng, chất lượng và cơ cấu trong những năm tới, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Thanh Hóa, luận án đề xuất 5 nhóm giải pháp chủ yếu cần thực hiện đồng bộ như sau:

##### **4.2.1. Nhóm giải pháp về giáo dục-đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

###### ***4.2.1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo của tỉnh Thanh Hóa***

-Phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp

-Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại học, cao đẳng, xây dựng trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

-Đổi mới quản trị nhà trường theo mô hình quản lý hiện đại, xây dựng và vận hành hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng trong nhà trường.

-Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo. Áp dụng hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và vận hành cơ chế đảm bảo chất lượng trong quá trình đào tạo các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.

-Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp

-Tăng cường nguồn lực đầu tư, chuẩn hóa cơ sở vật chất thiết bị đào tạo, nhất là đào tạo nghề kỹ thuật công nghiệp trình độ cao

-Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về kỹ thuật công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng

-Tăng cường ứng dụng CNTT trong đào tạo và nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ đặc biệt là tiếng Anh cho HSSV và nhân lực ngành công nghiệp

-Quan tâm giáo dục văn hóa nghề, tác phong công nghiệp và các kỹ năng cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

###### ***4.2.1.2. Tăng cường định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp tại các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài***

Cùng với nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Thanh Hóa cần tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp ở các cơ sở đào tạo có uy tín ngoài tỉnh - đó là các trường đại học, cao đẳng đảm bảo chất lượng trong nước hoặc

nước ngoài. Tỉnh cần chỉ đạo các Sở, Ban ngành liên quan như: Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Công Thương, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, nghiên cứu, tổng hợp nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành công nghiệp về cả quy mô, cơ cấu, ngành nghề, lĩnh vực, trình độ đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Đồng thời có kế hoạch triển khai một cách hiệu quả thông tin hướng nghiệp đến tất cả các trường THPT trong tỉnh giúp cho học sinh sau khi tốt nghiệp THPT lựa chọn ngành nghề, lựa chọn trường đào tạo phù hợp, khắc phục những bất hợp lý như những năm vừa qua về đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực ngành công nghiệp của tỉnh.

#### ***4.2.1.3. Đẩy mạnh công tác đào tạo trong các cơ sở sản xuất công nghiệp và khuyến khích người lao động tự học tập nâng cao trình độ, năng lực- xây dựng văn hóa học tập trong doanh nghiệp***

Thực tiễn phát triển NNL chất lượng cao ở các công ty công nghiệp Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy, nhân lực mới tốt nghiệp từ các trường đào tạo vào làm việc ở các vị trí đều chưa thể đáp ứng ngay được yêu cầu về năng lực. Do vậy, các công ty của Nhật và Hàn Quốc đều có kế hoạch tổ chức đào tạo ngay từ khi mới nhận và có lộ trình bồi dưỡng, phát triển số nhân lực này theo vị trí từ thấp đến cao., Muốn vậy cũng như các công ty công nghiệp Nhật Bản hay Hàn Quốc để có NNL chất lượng cao cần có kế hoạch để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên trong cơ sở sản xuất công nghiệp. Để có thể thực hiện tốt công tác đào tạo trong các cơ sở sản xuất công nghiệp thì không thể tiến hành một cách thiếu khoa học và thiếu những trình tự hợp lý. Vì vậy để thực hiện tốt công tác đào tạo, cơ sở sản xuất công nghiệp cần xây dựng một chương trình đào tạo bài bản và khoa học

#### **4.2.2. Nhóm giải pháp về chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

##### ***4.2.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu và định hướng phát triển ngành công nghiệp; vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp***

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp cho mọi người nhận thức rõ nhân lực là nền tảng, là yếu tố quyết định nhất trong phát triển ngành công nghiệp nói riêng, phát triển kinh tế xã hội nói chung; thấy được vai trò, trách nhiệm đào tạo, sử dụng nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ rất quan trọng hiện nay của tỉnh Thanh Hóa, để từ đó biến thách thức về nguồn nhân lực chất lượng cao hiện tại (số lượng ít, chất lượng còn nhiều hạn chế, cơ cấu chưa hợp lý...) thành lợi thế trong tương lai

##### ***4.2.2.2. Chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp***

Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa, tập trung vào đạt được các mục tiêu: đáp ứng yêu cầu



về số lượng; đạt tới cơ cấu hợp lý; đáp ứng yêu cầu nâng cao về chất lượng của mỗi vị trí công tác, trong từng lĩnh vực công nghiệp, từng giai đoạn, đồng thời xây dựng được chiến lược và các chính sách phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp. Chiến lược, các chính sách cần phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (đến năm 2020, định hướng đến năm 2030) làm cơ sở xây dựng kế hoạch và chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp đang là yêu cầu cấp thiết của tỉnh Thanh Hóa hiện nay.

#### **4.2.2.3. Hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách mà tỉnh đã ban hành, đồng thời tập trung xây dựng một số chính sách mới, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp của tỉnh, trong đó cần tập trung vào các chính sách:

- Chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh đi học nghề, nhất là các nghề kỹ thuật công nghiệp mà các ngành công nghiệp của tỉnh đang cần, đặc biệt là Khu kinh tế và các khu công nghiệp

- Chính sách khuyến khích các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển công tác đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp của tỉnh.

- Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài:

- Chính sách huy động các nguồn lực phục vụ phát triển NNL chất lượng cao cho Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; huy động và thu hút mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh vào việc đào tạo đội ngũ những người lao động có tay nghề cao; huy động các nguồn lực tài trợ của tổ chức Quốc tế, các doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề của nguồn nhân lực và có kế hoạch đào tạo mới, bổ sung, tăng cường lao động kỹ thuật trình độ cao phục vụ phát triển KKT Nghi Sơn, các KCN nói riêng và ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa nói chung.

#### **4.2.3. Nhóm giải pháp về thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao vào ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

Các tổng công ty, công ty, doanh nghiệp, cơ sở SXCN nói riêng và ngành công nghiệp nói chung cần tập trung hoàn thiện và ban hành công khai, minh bạch các chính sách về thu hút và tuyển dụng mới, có sức thu hút NNL chất lượng cao về làm việc trong ngành công nghiệp của tỉnh.

#### **4.2.4. Nhóm giải pháp đổi mới, nâng cao năng lực quản lý về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

- Đổi mới nhận thức, nâng cao chất lượng công tác dự báo và xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp;

- Đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động

của bộ máy quản lý;

- Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành về phát triển nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp

#### **4.2.5. Nhóm giải pháp về sử dụng, đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc tích cực, năng động, sáng tạo cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa**

- Thực hiện chính sách sử dụng và chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp

- Chăm sóc sức khỏe- thể lực cho nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp

- Xây dựng môi trường làm việc năng động, tích cực, khích lệ sáng tạo và phát huy các tố chất tích cực của nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Nguồn nhân lực nhất là NNL chất lượng cao là một trong các nguồn lực quan trọng có tính chất quyết định đến phát triển kinh tế - xã hội ở tất cả các quốc gia, là vấn đề được các nước trên thế giới rất quan tâm. Ở Việt Nam, phát triển NNL chất lượng cao đang trở thành yêu cầu cấp thiết hàng đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và HNQT ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước.

Thanh Hóa là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ, năm 2016 dân số trên 3,5 triệu người, lao động trong nền kinh tế khoảng 2,2 triệu người. Với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trên cả 3 vùng: vùng biển, đồng bằng, trung du và miền núi. Thanh Hóa có thế mạnh về phát triển ngành công nghiệp. Tuy nhiên những thế mạnh đó còn chưa được khai thác, phát huy có hiệu quả. Hiện nay, Thanh Hóa vẫn là một tỉnh nghèo; trên một số lĩnh vực còn nhiều hạn chế, yếu kém. Chất lượng NNL chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. NNL chất lượng cao ngành công nghiệp có quy mô còn nhỏ, chất lượng còn nhiều hạn chế, có mặt còn yếu, cơ cấu không hợp lý đang là vấn đề khó khăn để đạt được mục tiêu phát triển của tỉnh đến năm 2020 trở thành tỉnh khá của cả nước, đến năm 2030 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Chính vì vậy, luận án chú trọng vào vấn đề cấp thiết là giải quyết việc phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào những mục đích đề ra luận án đã đạt được những kết quả sau đây:

- Luận án đã tổng quan được tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án với các nhóm vấn đề: Những công trình nghiên cứu NNL, NNL ngành công nghiệp, phát triển NNL và những công trình nghiên cứu về NNL chất lượng cao, phát triển NNL chất lượng cao. Từ đó chỉ ra khoảng trống và hướng nghiên cứu của luận án.

- Luận án đã hệ thống hóa, làm rõ hơn và bổ sung cơ sở lý luận về phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp.

- Phân tích và đánh giá khá toàn diện thực trạng phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2005-2016, về qui mô; cơ cấu; chất lượng; công tác đào tạo; chiến lược, quy hoạch phát triển; công tác thu hút, tuyển dụng; tổ chức quản lý thực hiện; sử dụng, đãi ngộ và xây dựng môi trường làm việc cho NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Từ đó rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

- Đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong những năm tới, tầm nhìn đến năm 2030.

Phát triển NNL chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa là vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong quá trình phát triển ngành công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa. Luận án mong có được sự đóng góp nhất định vào vấn đề có tầm quan trọng này của địa phương.

## **2. Kiến nghị**

- Đối với Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp: Ban quản lý KKT Nghi Sơn phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng Đề án "Phát triển NNL chất lượng cao phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030". Mở các trung tâm đào tạo và giới thiệu việc làm từng bước đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Đối với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh cần đổi mới nội dung chương trình đào tạo, tăng cường đầu tư cơ sở thực hành thực tập, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo chất lượng cao trong nước và nước ngoài về lĩnh vực nhân lực cho ngành công nghiệp mới, mũi nhọn của tỉnh.

- Đối với Sở Công Thương, sớm tham mưu và chủ trì xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện.

- Đối với các ngành các cấp tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các chính sách mới có sức thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào ngành công nghiệp.

- Đối với UBND tỉnh Thanh Hóa, sớm chỉ đạo triển khai xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành công nghiệp và ưu tiên phân bổ kinh phí cho phát triển nguồn nhân lực này của tỉnh từ nay đến năm 2030.